

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 16/2026/HNGĐ-ST

Ngày 16-4-2026

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trịnh Thị Thúy Hà.

2. Ông Bùi Đình Thi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh, Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Nông Văn Hiên, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 98/2025/TLST-HNGĐ ngày 24/11/2025 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 24/3/2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phùng Thị K, sinh năm 1985; căn cước số 02018500**** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2025; địa chỉ: Thôn Q, xã B, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Nông Quang V, sinh năm 1982; căn cước công dân số 02008200**** do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 24/6/2021; địa chỉ: Thôn Q, xã B, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai tại Tòa án, chị Phùng Thị K trình bày như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nông Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được tìm hiểu trước khi kết hôn khoảng gần 01 năm. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn cũ (nay là Ủy ban nhân dân xã B, tỉnh Lạng Sơn) vào ngày 12/9/2005. Sau khi kết hôn, hai vợ chồng về chung sống cùng với gia đình chồng tại cùng thôn ở thôn Q, xã B,

tỉnh Lạng Sơn. Quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2013, khi chị sinh cháu thứ 2 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng không có tiếng nói chung, anh Nông Quang V thường xuyên rượu chè, bỏ bê gia đình, vợ con, mặc dù đã được chị và mẹ đẻ chị là bà Hoàng Thị C sống gần đó khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh Nông Quang V vẫn không hề thay đổi. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn kéo dài, không thể hoá giải, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Nông Quang V.

Về con chung: Chị và anh Nông Quang V có 02 con chung là Nông Dạ Bảo N, sinh ngày 09/02/2007 (đã trưởng thành) và Nông Dạ Bảo H, sinh ngày 15/3/2013, hiện đang học lớp 7B trường Tiểu học và Trung học cơ sở Bằng Mạc, tỉnh Lạng Sơn. Từ trước đến nay, việc học hành của các con đều do chị chăm lo, do vậy khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Dạ Bảo H vì cháu là con gái, đang trong độ tuổi dậy thì nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn. Bản thân anh Nông Quang V là đàn ông, thường xuyên rượu chè nên chị thấy không đủ điều kiện để chăm sóc cháu Nông Dạ Bảo H. Về nghề nghiệp của chị hiện đang làm nghề tự do với thu nhập trung bình khoảng 5.000.000 đồng/tháng, ngoài ra chị còn kiêm nhiệm thêm chức danh trưởng ban công tác mặt trận khu dân cư Thôn Q, xã T, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã B, tỉnh Lạng Sơn), có được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn cũ công nhận, hàng tháng được chi trả phụ cấp khoảng 2.300.000 đồng đến 2.400.000 đồng/tháng. Ngoài ra hiện tại mẹ đẻ chị là bà Hoàng Thị C hiện vẫn đang còn sống và cùng ở Thôn Q, xã B, tỉnh Lạng Sơn cũng sẵn sàng tạo điều kiện chỗ ăn, ở và sinh hoạt cho mẹ, con chị sau khi ly hôn.

Về tài sản chung: Quá trình chung sống, chị và anh Nông Quang V có tạo dựng được một số tài sản chung tuy nhiên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không vay nợ ai và không cho ai vay nợ.

Bị đơn đã được Tòa án thông báo, triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành; Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của anh Nông Quang V trình bày như sau:

Anh và chị Phùng Thị K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì chị Phùng Thị K có rủ anh đi làm thêm để kiếm thêm thu nhập cho gia đình nhưng anh không đi dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn, chị Phùng Thị K sau đó tự đi làm thuê ở ngoài, còn anh vẫn tiếp tục ở nhà làm ăn. Vài năm gần đây, anh có nghe thông tin chị Phùng Thị K đi làm ở ngoài rồi có quan hệ với người khác nhưng anh không có căn cứ chính xác. Về bản thân, anh cũng nhận thấy mình có ham mê rượu chè, cũng đã được chị Phùng Thị K nhắc nhở tuy nhiên vẫn chưa sửa chữa được. Nay cô Phùng Thị K yêu cầu ly hôn, anh vẫn mong muốn vợ chồng

quay về đoàn tụ để nuôi dạy con cái.

Về con chung: anh và chị Phùng Thị K có 02 con chung là Nông Dạ Bảo N, sinh ngày 09/02/2007 (đã trưởng thành) và Nông Dạ Bảo H, sinh ngày 15/3/2013, hiện đang học lớp 7B trường Tiểu học và Trung học cơ sở B, tỉnh Lạng Sơn.

Nếu vợ chồng ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nông Dạ Bảo H và không yêu cầu chị Phùng Thị K phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật, quan điểm đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Trong thời gian chuẩn bị xét xử, thẩm phán đã tiến hành thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định tư cách đương sự, tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ và gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát đều đảm bảo đúng quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu và gửi các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát là đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định về việc xét xử sơ thẩm vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, vi phạm nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự

Đề nghị nội dung giải quyết vụ án, trên cơ sở áp dụng các Điều 51, 56, 57 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Phùng Thị K về việc ly hôn với anh Nông Quang V.

Về con chung: Chị Phùng Thị K được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Nông Dạ Bảo H; anh Nông Quang V không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền đi lại thăm con không ai được cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không có yêu cầu nên không xem xét.

Về án phí: Chị Phùng Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; xét thấy việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc xét xử nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết*: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết về con chung nên quan hệ pháp luật của vụ án là Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại Thôn Q, xã B, tỉnh Lạng Sơn nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 4- Lạng Sơn theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xem xét yêu cầu khởi kiện, xin ly hôn*: Căn cứ vào lời khai, lời trình bày, chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu do Tòa án thu thập; có đủ cơ sở để xác định chị Phùng Thị K và anh Nông Quang V trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn và được tổ chức hôn lễ theo phong tục tập quán của địa phương nên xác định hôn nhân hợp pháp.

[4] Quá trình chung sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn bắt đầu từ năm 2014 do bất đồng về quan điểm sống trong cuộc sống gia đình; trong khi người vợ đi làm thì người chồng ở nhà không tu chí làm ăn, tụ tập rượu chè. Gia đình cũng khuyên bảo nhưng không có chuyển biến; mâu thuẫn vợ chồng lên đến đỉnh điểm vào năm 2023, chị Phùng Thị K có rủ anh Nông Quang V đi làm để lo toan kinh tế cho gia đình nhưng anh Nông Quang V không đồng ý đi, do vậy vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay, anh Nông Quang V tiếp tục ở nhà còn chị Phùng Thị K đi làm thuê ở, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau.

[5] Thấy rằng; mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra trong một thời gian dài. Thời gian ly thân anh Nông Quang V không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn gia đình, mặc dù bản thân cũng nhận thấy mình có lỗi trong việc lo toan cho gia đình nhưng không hề thay đổi; khi biết vợ khởi kiện nộp đơn xin ly hôn đến Tòa án, vẫn thể hiện thái độ không tích cực phối hợp để hòa giải đoàn tụ gia đình. Từ những nhận định trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng trong suốt thời gian dài, đời sống chung hiện không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được; yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là có căn cứ, bị đơn không cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ, bỏ mặc nguyên đơn tự giải quyết tại Tòa án. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình 2014, xử cho ly hôn.

[6] *Về con chung*: Vợ chồng có 02 người con chung là Nông Dạ Bảo N, sinh ngày 09/02/2007 (đã trưởng thành) và Nông Dạ Bảo H, sinh ngày 15/3/2013, hiện đang ở cùng anh Nông Quang V tại căn nhà trên mảnh đất do gia đình nhà nội để lại, các cháu có sức khỏe đảm bảo việc học tập, phát triển bình thường; nguyện vọng của cháu Nông Dạ Bảo H là mong muốn trong

trường hợp bố mẹ ly hôn thì sẽ ở với mẹ.

[7] Xét thấy, điều kiện nuôi con của chị Phùng Thị K, cơ bản đảm bảo về chỗ ở, về công việc có thu nhập bình quân ổn định cùng với mong muốn việc sau khi ly hôn; bản thân cháu Nông Dạ Bảo H cũng đang trong giai đoạn lứa tuổi dậy thì, cần sự chăm sóc, giáo dục giới tính của người mẹ là phù hợp, đảm bảo tốt cho sự phát triển sức khỏe, tâm sinh lý như những đứa trẻ bình thường khác trong cuộc sống, học tập; trong khi điều kiện công việc hiện tại của người bố không đảm bảo thời gian chăm sóc, giáo dục con chung hàng ngày. Do vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu, đề nghị của nguyên đơn về việc được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung và tự nguyện chưa có yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung; yêu cầu nuôi con của anh Nông Quang V không được chấp nhận.

[8] *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] *Về án phí*: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và hướng dẫn tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[10] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành và tham gia tố tụng, cùng quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với tài liệu thu thập trong hồ sơ và các nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[11] Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án theo quy định tại Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 272; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; các Điều 57, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Quan hệ hôn nhân.

Xử cho chị Phùng Thị K được ly hôn với anh Nông Quang V.

(Đăng ký kết hôn số 11, ngày 12/9/2005, tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Chi Lăng, tỉnh Lạng Sơn nay là xã B, tỉnh Lạng Sơn).

2. Con chung.

Chị Phùng Thị K và anh Nông Quang V có 02 (hai) người con chung là cháu Nông Dạ Bảo N, sinh ngày 09/02/2007 (đã trưởng thành) và Nông Dạ Bảo H, sinh ngày 15/3/2013.

- Sau khi ly hôn, chị Phùng Thị K được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu Nông Dạ Bảo H cho đến khi con chung trưởng thành, đủ 18 tuổi; anh Nông Quang V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Anh Nông Quang V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung do chị Phùng Thị K chưa có yêu cầu.

3. Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Khoản nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Án phí.

Chị Phùng Thị K phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự ly hôn sơ thẩm để nộp ngân sách Nhà nước; xác nhận chị Phùng Thị K đã nộp đủ theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0001035 ngày 20/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn.

6. Quyền kháng cáo.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Lạng Sơn;
- Phòng THADS khu vực 4 – Lạng Sơn;
- UBND xã B, tỉnh Lạng Sơn;
- Dương sự;
- Lưu Tòa, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(đã ký)

Nguyễn Mạnh Cường